



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LOGISTICS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86-25-KĐ ngày 11 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sài Gòn)

Ngành, nghề:	Logistics
Mã ngành, nghề:	6340113
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian khóa học:	2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Logistics là ngành liên quan đến việc lên kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát một chuỗi những hoạt động từ nơi sản xuất, cung cấp đến tay người tiêu dùng bao gồm: đóng gói, bao bì, xếp dỡ, lưu kho lưu bãi, bảo quản hàng hóa, vận chuyển, giao nhận, lập chứng từ...

Với bậc đào tạo cao đẳng chương trình này được biên soạn nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, ngoại ngữ và công nghệ thông tin để người học có thể đảm nhiệm tốt các công việc liên quan đến kiểm soát luồng di chuyển của hàng hóa, năng lượng, thông tin và những nguồn lực khác như sản phẩm, dịch vụ và con người, từ cung ứng các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất cho tới phân phối các sản phẩm đầu ra.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo cũng được xây dựng hướng đến việc sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Logistics và Logistics Hàng không có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; đạt chuẩn kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật; đạt chuẩn kiến thức nền tảng và kỹ năng cơ bản về Logistics và Logistics Hàng không; đạt chuẩn kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp về Logistics và Logistics Hàng không, đồng thời có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm để có thể đáp ứng các yêu cầu về vị trí làm việc trong các doanh nghiệp và tập đoàn sản xuất trong và ngoài nước, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo nguồn nhân lực:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật trong kinh doanh và quản lý các hoạt động trong lĩnh vực Logistics nói chung và Logistics Hàng không nói riêng.

- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp các công việc như: Nhân viên kinh doanh; Vận hành kho; Nhân viên cảng, chứng từ, giao nhận, hải quan, hiện trường, chăm sóc khách hàng; Hoặc chuyên viên thu mua, thanh toán quốc tế.

- Có khả năng phân tích, đánh giá được thị trường. Đề xuất và xây dựng được chiến lược logistics cho doanh nghiệp tùy theo quy mô.

- Có khả năng tư duy, phân tích, kỹ năng giao tiếp. Sử dụng được tiếng anh và công nghệ thông tin trong chuyên môn để thích nghi với môi trường hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực Logistics và Logistics Hàng không.

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc như sau:

- Nhân viên soạn thảo, kiểm tra hợp đồng ngoại thương
- Nhân viên thủ tục hải quan
- Nhân viên kinh doanh cước vận tải và logistics
- Nhân viên giám định hàng hóa
- Nhân viên kho vận
- Nhân viên điều độ vận tải
- Nhân viên mua hàng trong các tập đoàn đa quốc gia
- Nhân viên phụ trách chuỗi cung ứng (từ khâu sản xuất đến tiêu thụ)
- Nhân viên chứng từ tại các công ty vận tải, các công xuất nhập khẩu, Cảng
- Nhân viên chăm sóc khách hàng
- Nhân viên thanh toán quốc tế

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 84 tín chỉ, 2.370 giờ
- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng học tập các môn học chung 19 tín chỉ, 435 giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 65 tín chỉ, 1.935 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 652 giờ; Thực hành, bài tập: 1.650 giờ, Kiểm tra: 68 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)
1	NLCB-01: Nắm vững các quy định, pháp luật liên quan đến tổ chức hoạt động Logistics và Chuỗi cung ứng.
2	NLCB-02: Sử dụng được công nghệ thông tin vào các công việc trong Logistics và chuỗi cung ứng.
3	NLCB-03: Nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế để thiết kế hệ thống logistics và ứng dụng quy trình vận chuyển, giao nhận, chăm sóc khách hàng trong ngành logistics.
4	NLCB-04: Sử dụng tiếng Anh bậc 2/6 để đọc hiểu các chứng từ và thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành.
5	NLCB-05: Xây dựng và phát huy phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong môi trường đa dạng.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)
6	NLCL-01: Biết lập kế hoạch, lên phương án và tổ chức các hoạt động Logistics và Chuỗi cung ứng

7	NLCL-02: Vận dụng các kiến thức chuyên môn để thực hiện các công việc liên quan trong chuyên ngành Logistics và Chuỗi cung ứng như: vận chuyển, sắp xếp hàng hóa kho hàng, khai báo hải quan, thu mua, bảo hiểm, thanh toán quốc tế.
8	NLCL-03: Sử dụng thành thạo các phần mềm, chương trình thông dụng trong Logistics và Chuỗi cung ứng như: EWMS, ECUS, E-PORT
9	NLCL-04: Nắm vững cách làm việc và phối hợp của các bộ phận của logistics như: kho bãi, thủ tục hải quan, chứng từ, hiện trường, vận chuyển.
10	NLCL-05: Nắm vững và cập nhật kịp thời các quy định của hải quan, nhà nước và các quốc gia trên thế giới liên quan trực tiếp tới hoạt động Logistics và Chuỗi cung ứng
III	Năng lực nâng cao
11	NLNC-01: Ứng dụng các kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế thông qua các bài thuyết trình, đồ án chuyên ngành giúp bản thân định hướng việc làm tại các công ty doanh nghiệp cụ thể trong ngành logistics.
12	NLNC-02: Sử dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, xử lý tình huống thông qua làm việc nhóm và làm việc độc lập để ra các quyết định liên quan các hoạt động Logistics
13	NLNC-03: Nắm vững kỹ năng phân tích để tìm giải pháp tối ưu, tiết kiệm chi phí cho khách hàng trong dịch vụ Logistics và Chuỗi cung ứng
14	NLNC-04: Thực hiện thành thạo nghiệp vụ chuyên môn giúp phát triển, quảng bá các hoạt động Logistics nói chung và Logistics hàng không nói riêng.
15	NLNC-05: Biết lập báo cáo định kì công việc liên quan các hoạt động logistics theo yêu cầu, quy định của công ty.

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung					
POLI1322	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
PCLW1201	Pháp luật	2	30	18	10	2
NDED1211	Giáo dục quốc phòng	3	75	36	35	4
PHED1021	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
CAPP1121	Tin học	3	75	15	58	2
ENFD1224	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
	Tổng Môn học chung	19	435	157	255	23
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
ENFD1225	Tiếng Anh tiền trung cấp	4	90	45	42	3
LOFD1211	Tổng quan logistics và chuỗi cung ứng	3	75	30	42	3
IBMG1212	Kinh doanh quốc tế	3	75	30	42	3
PCMK1212	Marketing căn bản	3	75	30	42	3

ECON1213	Kinh tế vi mô	3	75	30	42	3
LOPJ1022	Đồ án cơ sở	2	90	0	90	0
	Tổng Môn cơ sở	18	480	165	300	15
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
ENFD1226	Tiếng Anh trung cấp	4	90	45	42	3
BAIT2311	Tin học ứng dụng chuyên ngành	4	90	45	42	3
ECOM2212	Quản trị thương mại điện tử	3	75	30	42	3
TPFF1212	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	75	30	42	3
CTDE1212	Nghiệp vụ khai báo hải quan	3	75	30	42	3
LOPJ2023	Đồ án chuyên ngành	2	90	0	90	0
LOIT2041	Thực tập chuyên ngành	4	180	0	180	0
	Tổng Môn chuyên môn	23	675	180	480	15
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao					
LOEN2212	Tiếng Anh Logistics – Xuất nhập khẩu	4	120	30	87	3
IPIS1212	Bảo hiểm vận tải quốc tế	3	75	30	42	3
WARE2212	Nghiệp vụ quản lý Kho bãi	3	75	30	42	3
ELOG2211	E-Logistics	3	75	30	42	3
AICA2211	Dịch vụ Logistics Hàng không (Tự chọn)	3	75	30	42	3
PROC2212	Quản trị thu mua (Tự chọn)	3	75	30	42	3
LOCO2082	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0
	Tổng Môn nâng cao	24	780	150	615	15
	Tổng Chương trình	84	2370	652	1650	68

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung

Chương trình môn học chung Pháp luật, Chính trị, Giáo dục thể chất, Tin học văn phòng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, được sử dụng để giảng dạy.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được tổ chức thực hiện, liên kết với Trường Quân sự Quân khu 7.

7.2. Các hoạt động ngoại khóa

Một năm học có 3 học kỳ. Thời gian học của mỗi học kỳ là 15 tuần bao gồm thời gian kiểm tra và thi. Giữa mỗi học kỳ có 2-3 tuần nghỉ. Thời gian nghỉ Tết là 3 tuần.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa, vào thời điểm thích hợp.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học

Căn cứ quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Sài Gòn, thời gian tổ chức kiểm tra kết thúc môn học theo hướng dẫn cụ thể theo từng môn học và theo kế hoạch đào tạo của trường cụ thể cho từng học kỳ và từng năm học.

Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá môn học được xác định cụ thể và có hướng dẫn trong đề cương môn học.

7.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề; tích lũy đủ số tín chỉ quy định và có điểm trung bình tích lũy từ 2.0/4.0 trở lên được công nhận tốt nghiệp.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG**Tôn Thất Tín****PHÓ TRƯỞNG KHOA****Trần Thị Bích Hồng**